

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH P**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/DS-PT
Ngày 12 tháng 6 năm 2020
V/v Tranh chấp quyền sử dụng
đất lâm nghiệp.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH P**

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Huyền

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Kim Ái;

Ông Nguyễn Trường Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2020/TLPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2020 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất lâm nghiệp”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXX-DSPT ngày 24 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ông Hà Huy O, sinh ngày 13/9/1952;

2. Ông Hà Văn B, sinh ngày 25/9/1956;

3. Ông Hà Văn B, sinh ngày 05/10/1958 ;

Cùng địa chỉ: Xóm Đ, xã M, huyện T, tỉnh P;

4. Bà Hà Thị P, sinh ngày 07/01/1962 (có mặt);

5. Bà Hà Thị T, sinh ngày 12/9/1965;

Cùng địa chỉ: Xóm Minh Thanh, xã M, huyện T, tỉnh P;

6. Ông Hà Văn Đ, sinh ngày 27/8/1971.

Địa chỉ: Xóm Đ, xã M, huyện T, tỉnh P;

-Người đại diện theo ủy quyền của ông O, ông B, ông B, bà T, ông Đ: Bà Hà Thị P, sinh ngày 07/01/1962 (theo Giấy ủy quyền ngày 08/4/2019) có mặt.

Bị đơn: Bà Dương Thị B, sinh ngày 02/10/1960 (có mặt);

Địa chỉ: Xóm Đ, xã M, huyện T, tỉnh P.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh P. Người đại diện theo pháp luật: Ông Tạ Ngọc Y – Chủ tịch UBND huyện; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H – Trưởng phòng TN&MT huyện – Theo giấy ủy quyền số: 1110 ngày 26/11/2019 (ông H có đơn đề nghị vắng mặt);

+ Công ty chè P

Trụ sở chính: Thị trấn T, huyện T, tỉnh P;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hải C – Chức vụ: Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đắc T, sinh năm 1966 - theo Giấy ủy quyền số: 07/2019/UQ – CPĐ ngày 12/9/2019 (có mặt);

+ Bà Hà Thị M (bà M hiện không rõ địa chỉ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Hà Thị P và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Bố mẹ bà là ông Hà Văn H và bà Hà Thị M sinh được 07 người con gồm: Ông Hà Huy O, ông Hà Văn B, ông Hà Văn B, bà Hà Thị P, bà Hà Thị T, ông Hà Văn Đ và bà Hà Thị M.

Năm 1971 – 1972 , bố mẹ bà khai hoang một thửa đất khoảng 02 ha tại đồi Giang, xóm Bông Lau, xã M để trồng Lúa nương. Năm 1995, mẹ bà chết, đến ngày 01/10/1998, UBND huyện T, tỉnh P (*nay là huyện T, tỉnh P*) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 79, tờ bản đồ F48.103 A.C.3 diện tích 02ha là thửa đất mà bố, mẹ bà đã sử dụng trước kia.

Tuy nhiên, năm 2000 bà Dương Thị B đã tự ý đốt phá rừng cây tái sinh, lấn chiếm và sử dụng trái phép của gia đình bà khoảng 01ha đất. Năm 2002 bố bà chết và không để lại di chúc, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất ủy quyền cho bà khởi kiện bà B tại Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P với các nội dung sau:

Yêu cầu Bà B trả lại cho gia đình bà khoảng 10.000m² đã lấn chiếm và sử dụng trái phép;

Yêu cầu bà B bồi thường số tiền 50.000.000 đ (năm mươi triệu đồng) do bà B có hành vi phát, phá khoảng 10.000 m² rừng tái sinh vào năm 2000 và năm 2002, cùng tiền hoa lợi, lợi tức phát sinh từ việc bà Bình sử dụng trái pháp luật đất của gia đình nhà bà;

Về yêu cầu phản tố của Bị đơn thì bà P không đồng ý thanh toán số tiền 3.000.000 đ (ba triệu đồng) cho bà B. Vì bà đã thông báo cho bà B không được trồng lại cây vào đất của gia đình bà, nếu bà B cố tình trồng bà P sẽ nhổ bỏ.

*Bà Dương Thị B là bị đơn trình bày: Năm 1986, bà làm công nhân tại đội sản xuất số 7 thuộc Xí nghiệp Chè Thanh Niên, ngoài việc nhận khoán Chè bà trồng thêm Sắn và một số cây Lâm nghiệp khác tại đồi Ca Nô, đây là phần đất nằm trong diện tích đất đã được UBND tỉnh V (*nay là tỉnh P*) giao cho Xí nghiệp Chè Thanh Niên. Ngày 25/9/1998, Công ty và bà ký hợp đồng giao khoán số: 07/HĐK – CTCTN*

với tổng diện tích đất là 15.000m² thuộc đồi Ca Nô, mục đích để trồng Chè.

Thực hiện Hợp đồng, bà đã trồng Chè, Keo, Mỡ lên diện tích đất được giao khoán. Trong đó, diện tích Chè khoảng 6.000 m², Keo khoảng 3.500 m², Mỡ khoảng 1.250 m². Năm 2018, bà khai thác cây Keo, đầu năm 2019 đã trồng mới lại toàn bộ. Do bà P cho rằng bà trồng cây trên đất của ông H nên bà P đã tự ý nhổ, phá toàn bộ số cây Keo non bà trồng, gây thiệt hại về tài sản cho bà.

Nay bà P khởi kiện vụ án đến Tòa án nhân dân huyện T, quan điểm của bà như sau: *Bà không đồng ý trả đất cho bà P; bà không đồng ý bồi thường cho bà P số tiền 50.000.000đ; bà yêu cầu bà P phải bồi thường thiệt hại về tài sản do bà P đã nhổ khoảng 650 cây keo mới trồng của gia đình bà cùng những chi phí khác tổng thiệt hại là 3.000.000đ.*

Ủy ban nhân dân huyện T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Ngày 01/10/1998, hộ ông Hà Văn H được UBND huyện T (nay là huyện T), tỉnh P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 79, tờ bản đồ F48.103 A.C.3 tại đồi Giang, xóm Bông Lau, xã M, huyện T, tỉnh P. Kể từ khi cấp đất cho đến nay, thửa đất này không có biến động gì.

Căn cứ vào hồ sơ giao đất lâm nghiệp của hộ ông Hà Văn H và Hợp đồng giao khoán số: 07/HĐK – CTCTN ngày 25/9/1998 của bà Dương Thị B, đối chiếu với thực địa tại vị trí tranh chấp xác định đồi Giang trong Hồ sơ giao đất cho ông H và đồi Ca Nô trong Hợp đồng giao khoán của bà B là một thửa đất.

Công ty chè P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Công ty chè P được thành lập trên cơ sở sáp nhập Công ty Chè Thanh Niên, Công ty Chè Phú Sơn và Xí nghiệp Chè Tân Phú. Tại Quyết định số 1645/QĐ – UBND ngày 29/11/1993, UBND tỉnh V (nay là tỉnh P) đã giao 1.240,85 ha đất cho Xí nghiệp Chè Thanh Niên sử dụng. Tuy nhiên do thời gian đã lâu và có nhiều biến động về tổ chức nên Công ty không còn lưu trữ Bản đồ giao đất và các tài liệu kèm theo Quyết định số 1645/QĐ-UBND. Tuy nhiên, ngày 05/02/2002 Công ty chè P được UBND tỉnh P giao 14.808.971m² đất theo Quyết định số 570/QĐ-UB; theo Bản đồ giao đất và bảng mục kê các loại đất thì phần đất mà bà B được giao khoán theo Hợp đồng số: 07/HĐK – CTCTN ngày 25/9/1998 thuộc đồi Ca Nô nằm trong phần diện tích 14.808.971m² mà Công ty chè P được giao. Công ty đã ký hợp đồng số: 07/HĐK – CTCTN ngày 25/9/1998 về giao khoán đất trồng Chè với bà B là đúng.

Bà Hà Thị M: Hiện bà M không có mặt tại địa phương nên không có lời trình bày.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số:04/2019/DS- ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện T:

Căn cứ khoản 5, Điều 166; Khoản 1, Điều 167 của Luật đất đai năm 2013; căn cứ Điều 163; 649; điểm a, khoản 1, Điều 650; điểm a, khoản 1, Điều 651; khoản 1 Điều 584; Điều 589; Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 11 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1, 4, 5 Điều 26 và Danh mục được ban hành kèm theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận phần yêu cầu đòi quyền sử dụng đất lâm nghiệp của ông Hà Huy O, Hà Văn B, Hà Văn B, Hà Văn Đ bà Hà Thị P, Hà Thị T - Người đại diện theo ủy quyền là bà Hà Thị P đối với bà Dương Thị B.

2. Bác phần yêu cầu đòi bồi thường 50.000.000đ(năm mươi triệu đồng) thiệt hại về tài sản và thanh toán hoa lợi, lợi tức từ việc sử dụng đất của ông Hà Huy O, Hà Văn B, Hà Văn B, Hà Văn Đ bà Hà Thị P, Hà Thị T - Người đại diện theo ủy quyền là bà Hà Thị P, đối với bà Dương Thị B.

3. Buộc bà Dương Thị B phải trả lại cho ông Hà Huy O, Hà Văn B, Hà Văn B, Hà Văn Đ bà Hà Thị P, Hà Thị T - Người đại diện theo ủy quyền là bà Hà Thị P, bà Hà Thị Mai phần diện tích đất theo các chỉ giới 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 1 = 10.841,7m² thuộc thửa đất số 79, tờ bản đồ F48.103 A.C.3 diện tích 02 (hai) ha của hộ ông Hà Văn H (tức Hà Văn H) do UBND huyện T (nay là huyện T) cấp tại Đồi Giang xóm Bông Lau, xã M, huyện T, tỉnh P. Nhưng được thanh toán bằng tiền, theo Biên bản định giá ngày 11/10/2019 của Hội đồng định giá là: 1.08ha = 43.368.000đ (bốn mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng) .

4. Giao cho bà B được quyền sử dụng phần diện tích phần diện tích đất theo các chỉ giới 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 1 = 10.841,7m² thuộc thửa đất số 79, tờ bản đồ F48.103 A.C.3 diện tích 02 (hai) ha của hộ ông Hà Văn H (tức Hà Văn H) do UBND huyện T (nay là huyện T) cấp ngày 01/10/1998 tại xóm Bông Lau, xã M, huyện T, tỉnh P để sử dụng (Có sơ đồ kèm theo).

5. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Dương Thị B về yêu cầu bà Hà Thị P bồi thường thiệt hại về tài sản. Buộc bà Hà Thị P phải bồi thường cho bà Dương Thị B số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

6. Về án phí:

Bà Bình phải chịu 2.168.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận bà Dương Thị B đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2015/0003108 ngày 22/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Bà B còn phải nộp 1.868.000 đồng (một triệu, tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng) tiền án phí.

Bà P phải chịu 2.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ do yêu cầu phản tố của bà B được chấp nhận. Xác nhận, bà P đã nộp 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu số: AA/2011/01539 ngày 16/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T và 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu số: AA/2015/0003122 ngày 06/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Tổng cộng, bà Phương đã nộp 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tạm ứng án phí. Trả lại cho bà Hà Thị P 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ngoài ra Bản án còn tuyên thi hành án, lãi chậm trả và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Kháng nghị: Không đưa UBND tỉnh P tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; về thẩm quyền giải quyết vụ án và cấp tổng đạt văn bản tố tụng; về thu thập chứng cứ; phần tuyên án...

Kháng cáo: Ngày 10/12/2019 bà Hà Thị P là nguyên đơn, đại diện cho nguyên đơn kháng cáo với nội dung:

- Yêu cầu bà Hà Thị B trả lại 10.841m² đất lâm nghiệp đã lấn chiếm tại thửa số 79 tờ bản đồ F48.103 A.C.3.

- Đề nghị bà Hà Thị B bồi thường 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) vì đã tự ý phát phá đất rừng tái sinh của bà hai lần.

- Không đồng ý trả cho bà B 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

* Ngày 10/12/2019 bà Dương Thị B kháng cáo không nhất với bản án sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, với lý do: thửa đất này đã được UBND tỉnh P giao cho Công ty chè Thanh niên. Ngày 25/9/1998 Công ty chè và bà đã ký hợp đồng giao khoán số 07 với tổng diện tích đất là 15.000m² thuộc đồi Na nô để trồng chè

Tại phiên tòa :+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đã phát biểu về việc chấp hành pháp luật và Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh giữ nguyên nội dung kháng nghị: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy Bản án sơ thẩm số: 04/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện T.

+ Bà Hà Thị P là nguyên đơn, đại diện cho nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

+ Bà Dương Thị B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của VKSND tỉnh; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Cụ Hà Văn H và cụ Hà Thị Msinh được 07 người con gồm: Ông Hà Huy O, ông Hà Văn B, ông Hà Văn B, bà Hà Thị P, bà Hà Thị T, ông Hà Văn Đ và bà Hà Thị Mai. Năm 1971 – 1972, ông bà đã khai hoang một thửa đất khoảng 02ha tại đồi Giang, xóm Bông Lau, xã M để trồng Lúa nương. Năm 1995, bà Mạo chết. Ngày 01/10/1998, UBND huyện T, tỉnh P (*nay là huyện T, tỉnh P*) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông Hà Văn H, thửa đất số 79, tờ bản đồ F48.103 A.C.3 diện tích 02ha. Năm 2002, ông Hà Văn H chết và không để lại di chúc.

Năm 1993 Xí nghiệp Chè Thanh niên Minh Đài Liên hiệp chè Việt Nam đã được UBND tỉnh V (cũ) nay là tỉnh P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A/481380 ngày 29/11/1993 với diện tích 12.408.500m² (BL 94,95). Năm 1999 UBND tỉnh P có Quyết định số: 2506/QĐ-UB ngày 01/10/1999 của Ủy ban nhân dân tỉnh P duyệt chuyển sang thuê đất có thời hạn 50 năm và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty chè Thanh niên đối với 23.833m² tại các xã M, V, L, T, Th. Tại Quyết định số 570/QĐ-UB ngày Đối với diện tích tại xã M có tổng diện tích là 20.164m², còn lại 3.669m² là của các xã Văn Miếu, Văn Luông, Tam Thanh, Thanh Sơn. 05/12/2002 UBND tỉnh P về việc thu hồi, giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty chè P thuê để trồng và chế biến chè, trong đó cấp Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty chè P trên tổng diện tích 35.736.109m², trong đó diện tích đất thuộc xã M là 1.918.357m². Tại Hợp đồng số 07/HĐK ngày 25/9/1998 giữa Công ty chè Thanh Niên và bà Dương Thị B với diện tích 1.500m² thuộc đồi CaNo (BL 165 - 163).

Ngày 10/4/2019 bà Hà Thị P là nguyên đơn, đại diện cho các đồng thừa kế có đơn khởi kiện yêu cầu bà Dương Thị B phải trả lại diện tích đất nêu trên.

[2]. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định hàng thừa kế của cụ H và cụ M gồm: Ông Hà Huy O, ông Hà Văn B, ông Hà Văn B, bà Hà Thị P, bà Hà Thị T, ông Hà Văn Đ và bà Hà Thị M. Quá trình tố tụng ông O, ông B, ông B, bà T, ông Đ đã ủy quyền cho bà Hà Thị P toàn quyền tham gia tố tụng tại các cấp Tòa án và định đoạt giải quyết tranh chấp đất đai với hộ bà B (BL 44). Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định tư cách của đương sự nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Trong hàng thừa kế thứ nhất của cụ H và cụ M có: ông O, ông B, ông B, bà T, ông Đ đã ủy quyền cho bà Hà Thị P toàn quyền tham gia tố tụng, nhưng còn bà Hà Thị M, Tòa án cấp sơ thẩm chưa lấy được lời khai của bà M, chưa xác minh thu thập chứng cứ bà M hiện đang ở đâu mà chỉ xác minh ở chính quyền địa phương, năm 2013 có về thăm nhà và làm bản khai nhân khẩu. Tại bản khai nhân khẩu bà M đang ở: Phố Thầu Khây, huyện Lũng Thái, xã Hiềng Xun, xóm Mả Phây, tỉnh Q, Trung Quốc (BL 199). Lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải thu thập thông tin xuất nhập cảnh của bà Hà Thị M gửi Cục xuất nhập cảnh - Bộ Công an để xác định bà M có xuất, nhập cảnh ra nước ngoài hay không. Tòa án cấp sơ thẩm đã không làm đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã có văn bản số 140/TA- HC ngày 13/5/2020 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh cho Cục xuất nhập cảnh - Bộ Công an. Tại văn bản số 6880/QLXNC - P5 ngày 21/5/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh thể hiện: "Hà Thị M, sinh ngày 02/10/1968, đã nhập xuất cảnh 04 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 24/7/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước". Như vậy xác định bà Hà Thị M hiện nay đang ở nước ngoài, mà bà Hà Thị M là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất. Vụ án được thụ lý giải quyết sau khi bà Hà Thị M đã xuất cảnh ra nước ngoài chưa trở lại Việt Nam. Do vậy, vụ án xác định có đương sự ở nước ngoài không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, căn cứ khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh P. Do vậy, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ kháng nghị với nội dung về thẩm quyền giải quyết vụ án và cấp tổng đạt văn bản tố tụng là có căn cứ.

[3].Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện T. Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét các nội dung kháng nghị khác của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P và nội dung kháng cáo của bà Hà Thị P, bà Dương Thị B. Do vậy, bà Hà Thị P, bà Dương Thị B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310, khoản 3 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P.

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện T.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa Dân sự - Tòa án nhân dân tỉnh P thụ lý giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí:

3.1. Án phí Dân sự sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu án phí của bà Hà Thị P, bà Dương Thị B được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hà Thị P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho Hà Thị P 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số AA/2018/0000814 ngày 10/12/2019 tại cơ quan thi hành án huyện T.

Bà Dương Thị B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho Dương Thị B 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số AA/2018/0000815 ngày 10/12/2019 tại Cơ quan thi hành án huyện T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TAND huyện T;
- THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS;VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Thu Huyền

